

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-PT
Ngày: 21 – 8 - 2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: - Ông Trương Đình Nghệ
- Ông Hồ Văn Luông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Đồng Khởi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 11/2019TLPT-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2018/DS-ST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Thành T1 và vợ là bà Phạm Thị Quốc T2;

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T3 và vợ là bà Bùi Thị Đ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 162/55, Trần Quang Diệu, khu vực 4, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Đường Cách Mạng Tháng Tám, khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị Kiều O, sinh năm: 1971;

3.2. Bà Trương Phạm Thúy T4, sinh năm: 1988;

3.3. Bà Trương Phạm Thanh T5, sinh năm: 1996;

3.4. Ông Hồ Ân H, sinh năm: 1992;

Đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Ân H: Bà Huỳnh Thị Kiều O, (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2018);

Cùng địa chỉ: khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Ông Trần Phương Đ1;

Địa chỉ: Số 38/5, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1: Ông Trần Văn Đ2, (văn bản ủy quyền 21/5/2019);

Địa chỉ: Số 79, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Thành T1 và bà Phạm Thị Quốc T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Phạm Thị Quốc T2, Trương Thành T1 trình bày: Vào ngày 13/12/2012, vợ chồng ông T1, bà T2 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T3, Bùi Thị Đ diện tích 36m² với giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tay, sau khi hai bên thỏa thuận xong ông T1, bà T2 đã giao đất cho vợ chồng T3, Đ sử dụng. Đối với số tiền mua bán đất thì hai bên cũng thống nhất thỏa thuận lập thành hợp đồng vay tiền với số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng. Từ khi lập hợp đồng vay đến nay vợ chồng ông T3 có trả lãi cho ông T1, bà T2 đến tháng 02/2018 được tổng cộng là 186.000.000 đồng thì ngưng. Ông T1, bà T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và ông T3, Bà Đ, yêu cầu vợ chồng ông T3 trả lại phần đất cho vợ chồng ông T1. Ông T1 và bà T2 đồng ý trả lại giá trị phần nhà mà vợ chồng ông T3 đã xây cất trên phần đất theo kết quả định giá tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Quốc T3, Bùi Thị Đ trình bày: Ông T3 và bà Đ có một căn nhà tọa lạc tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu vực 2, phường T, phía sau căn nhà là phần đất của ông T1 và bà T2. Năm 2012, do có nhu cầu mở rộng căn nhà nên ông T3 bà Đ có thỏa thuận mua phần đất phía sau của vợ chồng ông T1 chiều dài 03m, chiều ngang 12m tiếp giáp với căn nhà của ông T3, bà Đ, với giá 150.000.000 đồng như ông T1 trình bày, khi chuyển nhượng chỉ lập giấy tay, không công chứng, chứng thực, sang tên được do diện tích đất chuyển nhượng là đất vườn, không đủ diện tích tách thửa. Sau khi nhận

đất của ông T1 và bà T2 xong thì vợ chồng anh T3 đã san lấp nền và cất nhà kiên cố nối liền với căn nhà phía trước của vợ chồng ông. Khi cất nhà thì ông T1 và bà T2 có biết nhưng không ngăn cản. Do diện tích đất nhỏ không đủ diện tích để tách thửa nên phần đất trên ông T3 và bà Đ không tách được giấy chứng nhận quyền sử dụng mà hiện nay ông T1 bà T2 vẫn đang đứng tên. Đến năm 2017 do làm ăn thua lỗ nên ông T3 và bà Đ bán một phần nhà và đất cho anh Hồ Ân H (bà Huỳnh Thị Kiều O là cô ruột đứng ra làm hợp đồng), bao gồm phần đất diện tích 63,2m² tại thửa 326 (đã tách bộ, sang tên cho ông H và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và phần đất diện tích 10,5m² thuộc một phần diện tích ông T1 và bà T2 đã chuyển nhượng cho ông bà vào năm 2012. Đối với số tiền chuyển nhượng 150.000.000 đồng do vợ chồng ông không có tiền trả một lần nên có thỏa thuận với vợ chồng ông T1 chuyển số tiền này sang tiền vay để trả dần, lãi suất 2%/tháng, vợ chồng ông T3 đóng lãi đến tháng 02/2018 được 186.000.000 đồng thì do làm ăn thua lỗ nên mới không đóng tiền tiếp được. Đối với khởi kiện của ông T1, bà T2 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng thì ông T3 bà Đ không đồng ý và có đơn phản tố yêu cầu công nhận phần đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T1. Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã ký với anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kiều O, đồng thời là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Ân H trình bày: Bà O là cô ruột của Hồ Ân H, do có nhu cầu kinh doanh nên ông H nhờ bà tìm mua đất. Ngày 12/12/2017, bà O thay mặt anh H thỏa thuận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ phần đất diện tích 63,2 m² và phần đất liền kề phía sau diện tích ngang 04 mét x dài 03 mét, với giá 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Sau khi chuyển nhượng xong thì anh H cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 63,2 m², phần đất còn lại diện tích ngang 04 mét, dài 03 mét thì do vợ chồng ông T1 chưa sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T3 nên vợ chồng ông T3 chưa sang tên cho anh H được. Phần đất và nhà trên hiện nay anh H vẫn đang quản lý và sử dụng. Ông H có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 10,5m² cho ông H.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Phạm Thúy T4 trình bày: Chị Trúc là con ruột của ông T1 và bà T2. Chị Trúc thừa nhận cha mẹ có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông T3 bà Đ với giá 150.000.000 đồng như ông T1, bà T2 trình bày là đúng. Do vợ chồng ông T3

không trả tiền chuyển nhượng đất nên chị T4 cũng yêu cầu Tòa án buộc ông T3, bà Đ trả lại đất cho gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ tuyên xử như sau:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thành T1, Phạm Thị Quốc T2 về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Quốc T3, Phạm Thị Đ.

Dành quyền khởi kiện cho ông Trương Thành T1 và Phạm Thị Quốc T2 đối với anh Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ về phần tiền vay khi có yêu cầu.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Quốc T3, Bùi Thị Đ.

Công nhận phần đất có diện tích 25,5m² loại đất vườn, phần đất tại một phần thửa 157 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ Trương Thành T1 ngày 11/7/2003 có tứ cận như sau: Ngang giáp thửa 157 là 8,50m; ngang giáp với phần đất UBND phường Thuận An quản lý là 8,50m; dài giáp thửa 157 là 3m; dài giáp thửa 157 là 3m (có lược đồ kèm theo) cho ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ.

Ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Ân H.

Công nhận phần đất có diện tích 10,5m² loại đất vườn, phần đất tại một phần thửa 157 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ Trương Thành T1 ngày 11/7/2003 có tứ cận như sau: Ngang giáp thửa 157 là 3,50m; ngang giáp với phần đất UBND phường Thuận An quản lý là 3,50m; dài giáp thửa 157 là 3m; dài giáp thửa 157 là 3m (có lược đồ kèm theo) cho anh Hồ Ân H.

Anh Hồ Ân H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/11/2018, nguyên đơn Phạm Thị Quốc T2 và Trương Thành T1 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: bà T2 và ông T1 đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 và bà T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ lập giấy tay, không có công chứng, chứng thực, diện tích chuyển nhượng nhỏ, không đủ hạn mức để tách thửa nên không có hiệu lực. Về tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thực tế ông bà không có nhận mà chuyển sang tiền vay, giấy tờ ghi ông bà

đã nhận 186.000.000 đồng tiền lãi nhưng thực tế ông bà chỉ nhận được khoảng 60.000.000 đồng, phần còn lại là viết biên nhận nợ. Về mặt pháp lý thì phần đất này ông bà vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông T3 không có quyền định đoạt, sang bán cho ông Đ1 và ông H. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông bà.

Bà O trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, việc chuyển nhượng dù không thông qua ý kiến của ông T1, bà T2 nhưng khi chuyển nhượng vợ chồng ông T1, bà T2 không phản đối.

Ông Đ2 trình bày: Phần diện tích phía sau 3m x 4m, ông Đ1 đã nhận chuyển nhượng của ông T3 và đã nhận đất, giao tiền đủ. Việc chuyển nhượng giữa ông T3 và ông T1, bà T2 cũng đã thực hiện xong việc giao đất và trả tiền, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông T3 cũng đã xây dựng nhà kiên cố sau đó thỏa thuận chuyển nhượng lại cho ông Đ1, vì vậy đề nghị công nhận cho ông Đ1 diện tích đất này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình xét xử phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng là không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là ông Trần Phương Đ1 là người đang quản lý phần đất tranh chấp diện tích 12m² để xem xét quyền lợi của ông Đ1 trong vụ án là chưa đảm bảo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Trương Thành T1 và bà Phạm Thị Quốc T2 khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 13/12/2012 giữa ông bà với vợ chồng ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ do vợ chồng ông T3 và bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển nhượng. Ông T3 và bà Đ có đơn phản tố yêu cầu công nhận phần đất đã chuyển nhượng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Ân H có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận phần đất diện tích 10,5m² đã chuyển nhượng của vợ chồng ông T3, bà Đ. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2018, nguyên đơn Phạm Thị Quốc T2 và Trương Thành T1 có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ có một căn nhà tọa lạc trên ba thửa đất số 325, 326 và 327 thuộc khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Năm 2012, do có nhu cầu mở rộng căn nhà nên ông Nguyễn Quốc T3 và bà Bùi Thị Đ có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của hộ ông Trương Thành T1 phần đất có diện tích 36m² thuộc một phần thửa 157, loại đất vườn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trương Thành T1 với giá 150.000.000 đồng, vị trí đất chuyển nhượng nằm liền kề phía sau căn nhà ông T3 và bà Đ đang sử dụng. Khi chuyển nhượng hai bên có làm hợp đồng bằng văn bản, không có công chứng, chứng thực. Theo Hợp đồng mua bán đất ngày 13/12/2012 (bút lục 12) thể hiện bên chuyển nhượng là hộ Trương Thành T1 bao gồm chủ hộ là ông T1 và các thành viên trong hộ gồm vợ ông T1 là bà Phạm Thị Quốc T2, con ông T1 là Trương Phạm Thúy T4 ký tên, thành viên còn lại là Trương Phạm Thanh T5, sinh năm 1996 không có ký tên và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Quốc T3 ký tên.

[4]. Xét hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Tờ mua bán đất lập ngày 13/12/2012, không được cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực đã vi phạm khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5]. Về nội dung: Quyền sử dụng đất thể hiện tại thửa 157 do hộ ông Trương Thành T1 đứng tên chủ sử dụng, căn cứ khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định *“Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý”*. Theo Sổ hộ khẩu của hộ Trương Thành T1 thì tại thời điểm chuyển nhượng, các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên bao gồm ông Trương Thành T1, là chủ hộ và các thành viên trong hộ gồm vợ ông T1 là bà Phạm Thị Quốc T2, con ông T1 là Trương Phạm Thúy T4 và Trương Phạm Thanh T5, sinh năm 1996. Tuy nhiên, Hợp đồng mua bán đất ngày 13/12/2012 do nguyên đơn nộp (bút lục 12) không có chữ ký đồng ý chuyển nhượng của Trương Phạm Thanh T5. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phương Đ1 cho rằng ngoài Hợp đồng mua bán đất do nguyên đơn giao nộp, ông Đ1 còn giữ một Hợp đồng mua bán đất khác có cùng nội dung, do ông T3 giao lại cho ông Đ1 vào thời điểm bán nhà đất có chữ ký của Trương Phạm Thanh T5. Vấn đề này được nguyên đơn ông T1, bà T2 thừa nhận là Trương Phạm Thanh T5 có biết và đồng ý việc cha mẹ chuyển nhượng đất cho ông T3, bà Đ và có ký tên vào hợp đồng do ông T3 đưa cho ký tên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Trương Phạm Thanh T5 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Phần đất chuyển nhượng là loại đất vườn, có diện tích chỉ 36m² nhưng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ làm rõ phần đất chuyển nhượng có đủ điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 188 và Điều 191 của Luật Đất đai năm 2013 hay không, cụ thể diện tích chuyển nhượng trên có đủ hạn mức tối thiểu để tách thửa, hợp thửa theo quy định Điều 29 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ hay không là không thu thập đầy đủ chứng cứ.

[6]. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông T3 và bà Đ đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất này và phân chia căn nhà thành ba căn nhà theo ba thửa đất. Năm

2017, vợ chồng ông T3, bà Đ chuyển nhượng cho ông Hồ Ân H quyền sử dụng đất tại thửa đất số 325, diện tích 63,2m² và căn nhà trên đất và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/01/2018. Năm 2018, vợ chồng ông T3, bà Đ tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Phương Đ1 quyền sử dụng đất diện tích 60m² và căn nhà tại thửa đất số 327 và ông Đ1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là căn nhà cấp 3 có diện tích xây dựng là 60m², diện tích sàn là 124,8m² vào ngày 09/4/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phương Đ1 cho rằng ngoài diện tích căn nhà ông Đ1 nhận chuyển nhượng của ông T3, bà Đ thì ông Đ1 còn có thỏa thuận chuyển nhượng phần căn nhà sau nối liền với căn nhà tại thửa 327 có diện tích khoảng 12m² và hiện nay ông Đ1 đang quản lý toàn bộ căn nhà đã chuyển nhượng, bao gồm phần nhà sau trên diện tích đất khoảng 12m² mà hộ ông T1 chuyển nhượng cho ông T3, bà Đ. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét do quá trình giải quyết sơ thẩm ông T3, bà Đ không cung cấp thông tin để được xem xét, giải quyết.

[7]. Từ những nhận định trên tại mục [5] và [6], xét thấy để bảo đảm quyền lợi của các đương sự và giải quyết đúng đắn vụ án, cần phải đưa ông Trần Phương Đ1 và Trương Phạm Thanh T5 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, để bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định, cần thiết hủy bản án sơ thẩm để giao lại toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2018/DS-ST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Trương Thành T1, bà Phạm Thị Quốc T2 và bị đơn ông Nguyễn Quốc T3, bà Bùi Thị Đ.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng chưa ai phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu. Ông Trương Thành T1 và bà Phạm Thị Quốc T2 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0017694, ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 21/8/2019./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tx. Long Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Thanh